

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU

MỤC LỤC

	TRANG
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 20

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU
(Liên doanh của CIENCO 1 - CIENCO 5 - CIENCO 6)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU (“dưới đây gọi tắt là Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.

1. Hội đồng Thành Viên

Các thành viên của Hội Đồng Thành Viên tại chức vào ngày lập báo cáo này gồm:

Ông CÁN HỒNG LAI	Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
Ông ĐOÀN TƯỜNG TRIỆU	Chức vụ: Phó Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
Ông ĐINH XUÂN VINH	Chức vụ: Phó Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
Ông PHAN XUÂN ĐẠT	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

2. Thành viên Ban Giám Đốc

Các thành viên của Ban Giám Đốc tại chức vào ngày lập báo cáo này gồm:

Ông TRẦN ANH DŨNG	Chức vụ: Giám Đốc
Ông HÀ NGỌC NAM	Chức vụ: Phó Giám Đốc
Ông PHẠM CÔNG TIẾN	Chức vụ: Phó Giám Đốc
Ông NGUYỄN VĂN CHÍNH	Chức vụ: Kế Toán Trưởng

3. Hoạt động chính của Công ty

Các ngành nghề chính của công ty:

- Đầu tư xây dựng – Kinh Doanh – chuyển giao công trình cầu Rạch Miếu (B.O.T)
- Du lịch sinh thái.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Quảng cáo, cung cấp xăng dầu, vận chuyển hành khách, bến xe, bãi đậu xe.
- Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, dân cư.
- Dịch vụ điện thoại.
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ.

Trụ sở hoạt động chính của công ty đặt tại xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

4. Tài sản hiện tại

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Ban Giám Đốc nhận thấy không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho các giá trị về tài sản hiện tại được nêu trong báo cáo tài chính thay đổi theo hướng không phù hợp.

5. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh kể từ khi kết thúc năm tài chính đối với tài sản của Công ty.

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU
(Liên doanh của CIENCO 1 - CIENCO 5 - CIENCO 6)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán ABB Việt Nam (TNHH) được chỉ định là Kiểm toán viên của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.

7. Xác nhận của Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo Tài Chính này, Ban Giám Đốc phải :

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng.
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo Cáo Tài Chính.
- Lập các Báo Cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám Đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu trữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ Thống kế toán đã đăng ký.

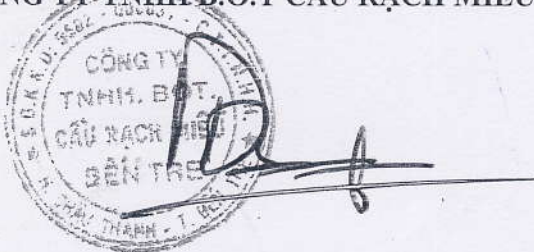
Ban Giám Đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám Đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2012

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU



TRẦN ANH DŨNG

Giám Đốc



ABB VIETNAM AUDITING LIMITED
ABB Office Building
3/5 Nguyen Van Thu St., District 1
Hochiminh City, Vietnam

Telephone : +84 (8) 3910 5229
Fax : +84 (8) 3910 5849
Website : www.abb-vietnam.com
Email : info@abb-vietnam.com

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU**

Số: 85/2012/ABB-VN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU ("Công ty") từ trang 04 đến trang 20 kèm theo.

Việc soạn thảo các báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Ban Giám Đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của việc kiểm toán

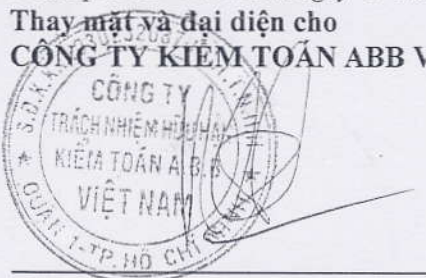
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, ngoại trừ sự ảnh hưởng của các mục V5a, V6a, V9a trong phần thuyết minh báo cáo tài chính, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011; phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2012

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY KIỂM TOÁN ABB VIỆT NAM**



NGUYỄN THỊ MINH TÂM
P. Giám Đốc Công Ty

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1054/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

TRẦN LÂM MINH QUYÊN
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1194/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG & ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		50,863,316,765	60,227,015,461
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		6,498,427,403	18,259,281,544
Tiền	111	V.01	6,498,427,403	18,259,281,544
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34,658,053,812	34,884,788,962
Phải thu của khách hàng	131	V.02	309,512,961	1,309,231,782
Trả trước cho người bán	132	V.03	30,969,691,383	31,166,434,565
Các khoản phải thu khác	135	V.04	3,378,849,468	2,409,122,615
Hàng tồn kho	140		9,706,835,550	7,082,944,955
Hàng tồn kho	141	V.05	9,706,835,550	7,082,944,955
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		445,102,556,746	466,832,400,177
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		440,047,117,975	463,832,400,177
Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	439,313,968,975	463,099,251,177
Nguyên giá	222		497,918,758,913	497,162,987,206
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58,604,789,938)	(34,063,736,029)
Tài sản cố định vô hình	227	V.07	733,149,000	733,149,000
Nguyên giá	228		733,149,000	733,149,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	2,055,438,771	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	3,000,000,000	3,000,000,000
Đầu tư vào công ty con	251		2,500,000,000	2,500,000,000
Đầu tư dài hạn khác	258		500,000,000	500,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		495,965,873,511	527,059,415,638

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011


Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		385,850,127,465	400,859,469,637
Nợ ngắn hạn	310		42,262,142,922	52,471,485,094
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	35,000,000,000	43,000,000,000
Phải trả cho người bán	312	V.11	4,675,894,124	5,004,837,728
Người mua trả tiền trước	313	V.11	-	1,031,955,080
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1,203,533,611	557,008,413
Phải trả người lao động	315	V.13	383,273,226	353,117,400
Chi phí phải trả	316		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	999,441,961	2,524,566,473
Nợ dài hạn	330		343,587,984,543	348,387,984,543
Vay và nợ dài hạn	334	V.15	343,587,984,543	348,387,984,543
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110,115,746,046	126,199,946,001
Vốn chủ sở hữu	410		108,080,012,900	124,081,913,646
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	153,789,890,743	146,404,025,923
Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.17	264,110,000	264,110,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(45,973,987,843)	(22,586,222,277)
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		2,035,733,146	2,118,032,355
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		2,035,733,146	2,118,032,355
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		495,965,873,511	527,059,415,638

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 8 năm 2012


NGUYỄN VĂN CHÍNH
 Kế toán trưởng


TRẦN ANH DŨNG
 Giám đốc

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

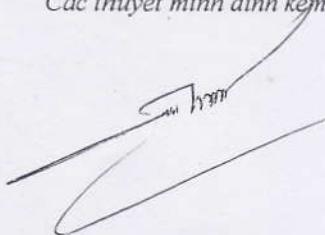
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng doanh thu	01	VI.1	77,897,013,871	69,593,619,352
Các khoản giảm trừ	03			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		77,897,013,871	69,593,619,352
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	30,864,052,957	27,101,232,271
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		47,032,960,914	42,492,387,081
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,575,046,278	1,006,107,985
Chi phí tài chính	22	VI.4	61,878,072,510	49,514,545,875
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		54,923,733,024	42,884,725,755
Chi phí bán hàng	24		4,759,263,884	4,693,581,889
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,358,436,364	3,947,384,105
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		(23,387,765,566)	(14,657,016,803)
Thu nhập khác	31		-	97,454,545
Chi phí khác	32		-	6,916,875
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	90,537,670
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(23,387,765,566)	(14,566,479,133)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23,387,765,566)	(14,566,479,133)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 8 năm 2012



NGUYỄN VĂN CHÍNH
Kế toán trưởng



TRẦN ANH DŨNG
Giám đốc

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

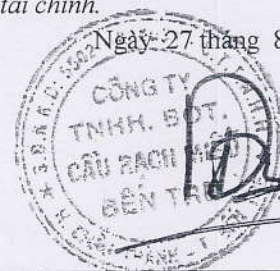
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TH MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(23,387,765,566)	(14,566,479,133)
Điều chỉnh cho các khoản			79,382,487,724	61,451,359,546
- Khấu hao tài sản cố định	02		24,458,754,700	18,566,633,791
- Chi phí lãi vay	06		54,923,733,024	42,884,725,755
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		55,994,722,158	46,884,880,413
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		226,735,150	230,151,069
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2,623,890,595)	(5,074,738,635)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2,209,342,172)	(6,735,778,402)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(54,923,733,024)	(41,454,843,617)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3,535,508,483)	(6,150,329,172)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,811,210,478)	(7,813,990,121)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	50,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,811,210,478)	(7,763,990,121)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7,385,864,820	8,841,182,092
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			27,959,734,832
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12,800,000,000)	(10,900,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5,414,135,180)	25,900,916,924
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11,760,854,141)	11,986,597,631
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20,689,281,544	8,702,683,913
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền tồn cuối kỳ	70		8,928,427,403	20,689,281,544

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

NGUYỄN VĂN CHÍNH
Kế toán trưởng

TRẦN ANH DUNG
Giám đốc



CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn, thông tin dự án B.O.T:

Công ty TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU thành lập theo Quyết Định số 729/2003/QĐ-BGTVT của Bộ Trưởng Bộ Giao Thông Vận Tải, Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh 5502-00031 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bến Tre đăng ký lần đầu vào ngày 26/04/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/03/2003. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/06/2010 thì Số đăng ký kinh doanh mới là 1300347822 (số này thay thế cho số cũ). Và thay đổi lần thứ 3 ngày 16/11/2010.

Công ty TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU là công ty liên doanh giữa các công ty có tỷ lệ góp vốn như sau :

- Tổng công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 1 (CIENCO 1) 50.29%
- Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy 42.75% (Là phần vốn mà Tổng công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 5 (CIENCO 5) đã chuyển nhượng)
- Tổng công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6 (CIENCO 6) 6.96% (ủy quyền cho công ty Cổ Phần Bê Tông 620 Châu Thới thực hiện)

Công ty được chấp thuận theo số: 08/GP-BKH-ĐTTN của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch Đầu Tư quyết định chấp thuận thực hiện đầu tư theo phương thức Xây Dựng – Kinh Doanh – Chuyển Giao (B.O.T) để đầu tư xây dựng các hạng mục phần cầu thuộc dự án cầu Rạch Miếu trên địa phận tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang.

Công ty thực hiện dự án dựa trên Hợp đồng Xây Dựng – Kinh Doanh – Chuyển Giao (BOT) đầu tư trong nước dự án cầu Rạch Miếu đã được ký giữa Bộ Giao Thông Vận Tải và Công ty TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU số 4795/2003/GTVT-KHĐT vào tháng 10 năm 2003, phụ lục điều chỉnh hợp đồng B.O.T ngày 06 tháng 10 năm 2004, phụ lục điều chỉnh hợp đồng BOT ngày 12 tháng 09 năm 2006.

Trụ sở hoạt động chính của công ty đặt tại ấp 8, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Công ty có vốn điều lệ là : 460,028,720,000 đ. Phần vốn góp theo tiến độ thanh toán và hoàn thành của dự án.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ các hoạt động khác không phải Đầu tư Xây Dựng – Kinh Doanh – Chuyển Giao công trình cầu Rạch Miếu (B.O.T)

Công ty được miễn 100% thuế nhập khẩu các thiết bị không sản xuất được trong nước và nhập khẩu phục vụ cho dự án B.O.T

2 Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là :

- Đầu tư xây dựng – Kinh Doanh – chuyển giao công trình cầu Rạch Miếu (B.O.T)
- Du lịch sinh thái.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Quảng cáo, cung cấp xăng dầu, vận chuyển hành khách, bến xe, bãi đậu xe.
- Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, dân cư.
- Dịch vụ điện thoại.
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

2 Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Chứng từ ghi sổ

3 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam và hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành :

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1 Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Việt nam Đồng theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ tài chính về hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

a. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4 Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận khi hạng mục công trình được các bên nghiệm thu dù bên thi công có xuất hóa đơn GTGT hay chưa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí quản lý, chi phí đi vay trong quá trình hình thành tài sản

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Tài sản cố định khác	tỷ lệ 32.2% doanh thu của năm tương ứng theo Công văn số 7142/BTC-TCĐN của Bộ Tài Chính ngày 1/6/2011 về việc hạch toán dự án cầu Rạch Miễu

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm quyền sử dụng đất

5 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác:

Nguyên tắc vốn hóa các khoản CPĐV:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tỷ lệ vốn hóa CPĐV được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ:

Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6 Kế toán các hoạt động liên doanh:

Vốn góp liên doanh được trình bày trên BCTC riêng của công ty theo phương pháp giá gốc.

Khoản vốn góp liên doanh được ghi nhận 30% khi hạng mục công trình được nghiệm thu và bên liên doanh xuất hóa đơn GTGT. Vốn góp cũng bao gồm kinh phí điều hành tạm thu của các bên liên doanh và thu nhập

7 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

8 Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: ghi theo thực tế

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

10 Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
Tiền mặt tại quỹ	534,411,101	818,571,763
Tiền gửi ngân hàng (VND) (1a)	1,101,208,820	2,440,709,781
Tiền gửi ngân hàng (có kỳ hạn)	4,862,807,482	15,000,000,000
Tổng cộng	<u>6,498,427,403</u>	<u>18,259,281,544</u>

(1a) Bao gồm:

Tiền gửi chuyên chi	255,554,711	1,317,779,914
Tiền gửi thu phí	536,413,840	1,122,929,867
Tiền gửi của dự án xây cầu Cổ Chiên	309,240,269	

2. Phải thu khách hàng

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
Công ty Cầu 14	136,931,782	1,236,931,782
Công ty DL Miền Tây	59,400,000	72,300,000
Ban QLDA Bến Tre	107,195,179	-
Ban QLDA 7	5,986,000	-
Tổng cộng	<u>309,512,961</u>	<u>1,309,231,782</u>

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Trả trước cho người bán

	31/12/11	31/12/10
Ứng trước thanh toán thi công (a)	30,969,691,383	45,820,889,216
	30,969,691,383	45,820,889,216

(a) Chi tiết khoản ứng trước bao gồm:

	31/12/11	31/12/10
Tổng công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông I	27,533,380,501	27,533,380,501
Tổng công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 5	2,547,544,553	2,267,544,553
Tổng công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6	-	-
Các công ty khác	888,766,329	1,365,509,511
Công ty TVTKXD CD12	10,000,000	10,000,000
Công ty Tư Vấn Thu Phí	18,627,379	18,627,379
Công ty TNHH SXTMDV Quảng Cáo Văn Bé	-	-
DNTN Lâm Hùng	-	82,718,182
Công ty Xuân Phi	185,020,500	185,020,500
Công ty CP ĐT&XD 156	-	558,000,000
Công ty TNHH MTV Quế Anh	125,840,000	125,840,000
Công ty Sika hữu hạn Việt Nam	-	676,660
Nhà máy bê tông Hùng Vương	1,153,540	132,458,040
Công ty TNHH bê tông đúc sẵn VINA-PSMC	220,000,000	220,000,000
Công ty TNHH Song Hy	64,337,500	32,168,750
Công ty Hiệp Thành	200,000,000	-
Công ty CTGT Bến Tre	36,000,000	-
Công ty Tân Phượng Hoàng	27,787,410	-
	30,969,691,383	31,166,434,565

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/11	31/12/10
Phải thu người lao động (tạm ứng công tác) (a)	2,879,125,617	1,909,398,770
Thuế GTGT theo biên bản nghiệm thu mà các đơn vị còn nợ hoá đơn (b)	490,512,852	490,512,852
Các khoản phải thu khác	9,210,999	9,210,993
Tổng cộng	3,378,849,468	2,409,122,615

(4a) Chi tiết tạm ứng công tác:

Tạm ứng phục vụ thu phí & công tác	619,623,577	344,406,393
Tạm ứng thi công công trình	2,259,502,040	1,564,992,377
Tổng cộng	2,879,125,617	1,909,398,770

(4b) Các đơn vị còn nợ hoá đơn theo biên bản nghiệm thu:

Tổng công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông I	290,256,646	290,256,646
Tổng công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6	70,313,349	70,313,349
Công ty CP TVTN CTGT 1	7,142,857	7,142,857
Phải thu khác	122,800,000	122,800,000
Tổng cộng	490,512,852	490,512,852

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm
 (Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bảng đồng tiền khác)*

5. Hàng tồn kho

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	368,897,159	449,908,243
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (5a)	9,337,938,391	6,633,036,712
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9,706,835,550	7,082,944,955
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Giá trị thuần có thể thực hiện được	9,706,835,550	7,082,944,955

(5a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm các công trình sau:

Công trình Cầu Bến Tre	5,572,129,279	3,292,513,040
Công trình Cầu Phụng Thới	451,499,032	446,953,577
Công trình Đồng Tháp	3,121,981,759	2,609,901,074
Công trình cầu Cổ Chiên	160,328,321	
Công trình bảng quảng cáo	32,000,000	
Trạm quan trắc	-	283,669,021

Các công trình xây dựng trong kỳ, khi phát sinh doanh thu thì tạm thời kết chuyển giá vốn bằng với doanh thu, chi phí còn lại ghi nhận ở chi phí sản xuất dở dang, khi nào kết thúc công trình và căn cứ vào quyết toán thì kế toán sẽ kết chuyển hết chi phí.

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DC quản lý	TSCĐ khác (cầu Rạch Miễu)	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ						
Số đầu năm	2,677,200,693	482,000,000	2,129,298,852	796,774,060	491,077,713,601	497,162,987,206
Tăng trong kỳ	455,709,889	272,880,000	10,181,818	17,000,000	-	755,771,707
<i>Mua trong kỳ</i>	445,690,000	272,880,000		17,000,000		735,570,000
<i>Đầu tư XD CB</i>	10,019,889					10,019,889
<i>Tăng khác</i>			10,181,818			10,181,818
Số dư cuối năm	3,132,910,582	754,880,000	2,139,480,670	813,774,060	491,077,713,601	497,918,758,913
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	665,927,054	46,733,333	1,170,624,016	428,240,769	31,752,210,856	34,063,736,029
<i>Tăng trong kỳ</i>	343,677,905	99,800,000	139,305,330	90,373,902	23,867,896,772	24,197,376,004
<i>Giảm trong kỳ</i>						
Số dư cuối năm	1,009,604,959	146,533,333	1,309,929,346	518,614,671	55,620,107,628	58,604,789,938
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	2,011,273,639	435,266,667	958,674,836	368,533,291	459,325,502,745	463,099,251,177
Số cuối kỳ	2,123,305,623	608,346,667	829,551,324	295,159,389	435,457,605,973	439,313,968,975

(*) Trong nhà cửa vật kiến trúc tăng trong kỳ có 445.690.000 đồng là tài sản kinh doanh - bảng quảng cáo.
 Tổng khoản tài sản kinh doanh này cuối năm 2011 là: 935.690.000 đồng

- 6a. TSCĐ khác là công trình cầu Rạch Miễu, khoản mục này được kết chuyển từ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản. Giá trị này chưa được kiểm toán xây dựng cơ bản mà chỉ được ghi nhận dựa vào biên bản nghiệm thu giữa các bên. Đến thời điểm này, công trình đã hoàn thành và đưa vào hoạt động. Do vậy đơn vị đã tạm kết chuyển giá trị sang TSCĐ, và tiến hành trích khấu hao. Do đó, báo cáo tài chính này sẽ phụ thuộc vào tính đúng đắn của khoản mục trên sau khi đã được quyết toán, kiểm toán.

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm
 (Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất		Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ			
Số đầu năm	733,149,000		733,149,000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối năm	733,149,000	-	733,149,000
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm			-
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số dư cuối năm	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	733,149,000	-	733,149,000
Số cuối kỳ	733,149,000	-	733,149,000

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/11	31/12/10
Chi phí sửa chữa	772,727,271	
Mua sắm tài sản cố định dở dang	1,282,711,500	
Tổng cộng	2,055,438,771	-

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/11	31/12/10
Đầu tư vào Công ty TNHH TM & DV Rạch Miếu theo HĐ liên doanh ngày 10/10/2007	2,500,000,000	2,500,000,000
Cho Cty TNHH Rạch Miếu vay	500,000,000	500,000,000
Tổng cộng	3,000,000,000	3,000,000,000

9a. Báo cáo tài chính này chưa được hợp nhất với báo cáo tài chính của công ty con - Công ty TNHH TM & DV Rạch Miếu

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/11	31/12/10
Vay ngắn hạn (a)	35,000,000,000	43,000,000,000
Tổng cộng	35,000,000,000	43,000,000,000

(a) Chi tiết khoản vay ngắn hạn

	31/12/11	31/12/10
Kho bạc nhà nước tỉnh Bến Tre	35,000,000,000	37,000,000,000
Ban quản lý các dự án giao thông 9 (PMU 9)	-	6,000,000,000
Tổng cộng	35,000,000,000	43,000,000,000

(Khoản vay ngắn hạn là khoản tiền ngân sách cho công ty TNHH B.O.T mượn không tính lãi. Công ty có trách nhiệm phải thanh toán sớm cho ngân sách nhà nước)

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm
 (Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

11. Phải trả cho người bán và Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
<i>Phải trả cho người bán</i>		
Công ty Việt Hòa	36,473,661	36,473,661
Công ty CP Cơ Khí - Điện Lữ Gia	259,052,907	259,052,907
Công ty CP TVTN CTGT ¹	291,058,400	291,058,400
Tổng công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6	3,889,273,756	3,889,273,756
Cửa hàng Tiến Phát	-	1,000,000
DNTN Thành Trung	-	39,553,092
Công ty TNHH Quảng cáo Văn Bé	-	26,950,000
DNTN Tùng Quân	69,312,500	19,312,500
DNTN Nam Nguyên	-	222,246,060
DNTN Hoài Duyên	100,600,000	600,000
Công ty TNHH TVTK ĐT-XD TM Liên Việt	15,857,000	15,857,000
Công ty TNHH Kim Khí Việt Đà	-	203,460,352
Công ty Quảng cáo Lam Di	14,265,900	-
	<u><u>4,675,894,124</u></u>	<u><u>5,004,837,728</u></u>
<i>Người mua trả tiền trước</i>		
Ban QLCN GT Bến Tre	-	1,031,955,080
Tổng cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>1,031,955,080</u></u>

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,196,819,587	550,294,389
Thuế thu nhập cá nhân	6,714,024	6,714,024
Tổng cộng	<u><u>1,203,533,611</u></u>	<u><u>557,008,413</u></u>

13. Phải trả người lao động

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
Phải trả tiền lương tháng 13	383,273,226	353,117,400
Tổng cộng	<u><u>383,273,226</u></u>	<u><u>353,117,400</u></u>

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
Bảo hiểm y tế	2,481,038	2,481,031
Bảo hiểm xã hội	49,227,151	39,296,262
Kinh phí công đoàn	79,339,425	57,841,423
Trích thừa thuế GTGT đầu vào của Tổng Cty XDCTGT 5	818,519,168	818,519,168
Trích thuế GTGT đầu ra Công trình Đồng Tháp	49,875,179	176,546,451
Các khoản phải trả, phải nộp khác (a)	-	1,429,882,138
Tổng cộng	<u><u>999,441,961</u></u>	<u><u>2,524,566,473</u></u>

(a) Chi tiết khoản phải trả, phải nộp khác

Lãi vay ngân hàng trích trước	-	1,429,882,138
-------------------------------	---	---------------

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm
 (Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
Vay dài hạn	343,587,984,543	348,387,984,543
Vay ngân hàng	343,587,984,543	348,387,984,543
Tổng cộng	343,587,984,543	348,387,984,543

Hợp đồng tín dụng là hợp đồng tài trợ do Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi Nhánh Tỉnh Bến Tre là ngân hàng đầu mối để hỗ trợ công ty thực hiện dự án B.O.T

Hợp đồng tín dụng dài hạn chỉ cho vay 70% (382,295,893,900 đ) trên tổng vốn góp B.O.T với lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau cộng phí 2.5%/năm. 1 năm được điều chỉnh 4 lần vào các ngày 31/01, 30/04, 31/07, 31/10. Thời gian cho vay tối đa là 225 tháng, thời gian ân hạn nợ gốc tối đa là 36 tháng kể từ ngày được giải ngân đầu tiên.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	146,404,025,923	137,826,953,831
Vốn góp tăng trong năm	7,385,864,820	8,577,072,092
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	<u>153,789,890,743</u>	<u>146,404,025,923</u>

Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu :

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
Vốn góp bằng 30% giá trị nghiệm thu công trình		
Tổng cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 1 (CIENCO 1)	57,051,050,086	57,051,050,086
Công ty CP Đầu tư 577	28,439,546,913	28,439,546,913
Tổng cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6 (CIENCO 6)	29,255,899,570	29,255,899,570
Vốn khác (phí điều hành 1.91% giá trị công trình)		
Tổng cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 1 (CIENCO 1)	5,012,250,191	5,012,250,191
Công ty CP Đầu tư 577	2,220,977,215	2,220,977,215
Tổng cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6 (CIENCO 6)	1,350,885,376	1,350,885,376
Phí bảo toàn vốn (4.8% vốn hóa)		
Tổng cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 1 (CIENCO 1)	15,425,953,011	11,867,883,103
Công ty CP Đầu tư 577	7,290,897,583	5,560,683,710
Tổng cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6 (CIENCO 6)	5,650,695,776	3,984,640,071
Vốn góp bằng tài sản		
Công ty CP Đầu tư 577	1,691,735,022	1,691,735,022
Khoản lãi tiền gửi ngân hàng kết chuyển thừa	-	(31,525,334)
Vốn góp cho dự án cầu Cổ Chiên		
Tổng cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 4 (CIENCO 4)	400,000,000	
Tổng cộng	<u>153,789,890,743</u>	<u>146,404,025,923</u>

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm
 (Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

b. Chi tiết góp vốn đầu tư chủ sở hữu :

	<u>Vốn điều lệ</u>		<u>Vốn đã góp</u>	<u>Vốn còn phải góp</u>
CIENCO 1	231,333,470,000	51%	62,063,300,277	169,270,169,723
Cty CP Đầu tư 577	196,663,250,000	25%	32,352,259,150	164,310,990,850
CIENCO 6	32,032,000,000	24%	30,606,784,946	1,425,215,054
Tổng cộng	460,028,720,000	100%	125,022,344,373	335,006,375,627

17. Vốn khác của chủ sở hữu

	<u>31/12/11</u>	<u>31/12/10</u>
Nhận vốn góp liên doanh của Công ty Tân Phương Hoàng <i>(hợp đồng liên doanh ngày 1/6/2009 để hợp tác đầu tư kinh doanh quảng cáo)</i>	264,110,000	264,110,000
Tổng cộng	264,110,000	264,110,000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	77,897,013,871	69,593,619,352
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>74,141,078,182</i>	<i>63,793,549,995</i>
<i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	<i>2,771,791,144</i>	<i>5,246,681,177</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>984,144,545</i>	<i>553,388,180</i>

Các khoản giảm trừ doanh thu:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ</i>	<i>74,141,078,182</i>	<i>63,793,549,995</i>
<i>Doanh thu thuần của hoạt động xây lắp</i>	<i>2,771,791,144</i>	<i>5,246,681,177</i>
<i>Doanh thu thuần khác</i>	<i>984,144,545</i>	<i>553,388,180</i>
Tổng cộng	77,897,013,871	69,593,619,352

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động xây lắp đã cung cấp	2,756,116,529	5,246,681,177
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28,107,936,428	21,854,551,094
Tổng cộng	30,864,052,957	27,101,232,271

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,575,046,278	1,006,107,985
Tổng cộng	1,575,046,278	1,006,107,985

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIỄU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	54,923,733,024	42,884,725,755
Phí bảo toàn vốn cho nhà đầu tư	6,954,339,486	6,629,820,120
Tổng cộng	<u>61,878,072,510</u>	<u>49,514,545,875</u>

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những thông tin tài chính khác

Tổng mức đầu tư của dự án được duyệt đến thời điểm 18/12/2009 là: 1,304,612,454,235. Gồm :

- Phần vốn NSNN : 792,222,960,623 (60,72% tổng dự án)
- Phần vốn B.O.T : 512,389,493,612 (39,28% tổng dự án)

Phần vốn B.O.T gồm 30% (153,716,848,084) là vốn tự có và 70% (358,672,645,528) là vốn vay

Phần vốn vay của công ty được thực hiện dựa trên hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2005/HĐTD và phụ lục điều chỉnh hợp đồng ký ngày 31/08/2009 với Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Chi Nhánh Tỉnh Bến Tre.

Theo phụ lục điều chỉnh thì hợp đồng đồng tài trợ trong đó Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi Nhánh Tỉnh Bến Tre là ngân hàng đầu mối và các ngân hàng đồng tài trợ sau, tương ứng với tỷ lệ cam kết góp :

NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi Nhánh Tỉnh Bến Tre	19,49%	74,514,800,000
NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi Nhánh Tỉnh Tiền Giang	14,62%	55,895,600,000
NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi Nhánh Tỉnh Trà Vinh	14,62%	55,895,600,000
NH Nông Nghiệp và Phát Triển Việt Nam Chi Nhánh Tỉnh Bến Tre	27,34%	104,500,000,000
NH Ngoại Thương Việt Nam Chi Nhánh Nam Sài Gòn	23,93%	91,489,893,900
	100,00%	<u>382,295,893,900</u>

2. Những thông tin khác.

Công trình cầu Rạch Miễu được khởi công ngày 30/04/2002 nhưng chính thức thi công là tháng 7/2004. Công trình chính thức thông xe kỹ thuật ngày 20/08/2008. Ngày 2/4/2009 Công trình bắt đầu thu phí.

Các hạng mục được phân chia đầu tư dựa theo hình thức vốn như sau :

- Phần vốn NSNN :
 - + Chi phí giải phóng mặt bằng
 - + Các chi phí khác : rà phá bom mìn, chuẩn bị đầu tư, lập thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công, tư vấn giám sát thi công, chuyên giao công nghệ, quản lý phí.
 - + Các hạng mục xây lắp sau :
 - Cầu số 1 : Toàn bộ phần cầu dẫn từ trụ T20 đến mỏ M37; kết cấu phần dưới từ mỏ Mo đến trụ T5, trụ T9 đến T12, phần dầm dây văng từ trụ T17 đến T20; xây lắp khác
 - Cầu số 2 : Phần dầm hộp liên tục đúc hẫng từ trụ T39 đến T44
 - Đường và các công trình cầu nhỏ : toàn bộ phần đường dẫn; cầu Ba Lai; cầu Km3+670
 - Các công trình khác : Trạm thu phí, nâng cấp đường 883, đường cảng, nội vụ.

CÔNG TY TNHH B.O.T CẦU RẠCH MIẾU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phần vốn B.O.T :

+ Các hạng mục xây lắp sau :

- Cầu số 1 : Toàn bộ kết cấu phần trên cầu dẫn từ móng Mo đến trụ T17; 06 trụ cọc móng khoan nhồi từ trụ T6 đến trụ T8 và trụ T13 đến trụ T16; kết cấu phần dưới nhịp dầm văng từ trụ T17, T18, T19, T20; xây lắp phụ trợ khác.
- Cầu số 2 : Kết cấu phần trên từ móng M38 đến trụ T39 và từ trụ T44 đến móng M58; kết cấu phần dưới móng M38 + M58 + các trụ từ T39 đến T57; xây lắp phụ trợ khác.
- Các công trình khác : Điện chiếu sáng; cầu thang xuống cồn Tân Vinh + kè; bãi khởi công.

Thời gian thu phí và hoàn vốn của dự án B.O.T là 18 năm 5 tháng kể từ ngày công trình cầu Rạch Miếu đưa vào hoạt động và thu phí. Trong đó thời gian thu thêm và tạo lợi nhuận cho bên công ty B.O.T là 3 năm

Trong thời gian thực hiện thu phí thì chỉ tính ưu đãi về thực hiện B.O.T còn các ưu đãi khác không được tính vào nguồn thu của công ty B.O.T trong dự án.



NGUYỄN VĂN CHÍNH
Kế toán trưởng



Ngày 27 tháng 8 năm 2012

TRẦN ANH DŨNG
Giám đốc